TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn giữa ông Đ và bà Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Ngọc Thành
Ông Nguyễn Thế Hanh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1948. Có mặt.
Hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971. Vắng mặt.
Hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương.
3. Người làm chứng: Cụ Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ bà Q). Vắng mặt.
Trú tại: thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Minh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 21-01-2013 do Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03. Trong quá trình vợ chồng chung sống được bốn năm thì có hai năm về sau bà Q để tiền riêng, mọi chi tiêu trong gia đình đều do ông lo liệu. Bà Q đi làm công ty từ sáng đến tối mới về, ông phải chăm lo công việc gia đình. Do thời tiết nóng, ông định mắc điều hòa bảo bà Q rút tiền về nhưng bà Q cứ nhùng nhằng, từ đó vợ chồng ông tự lo kinh tế của riêng mỗi người, ở chung cùng nhà nhưng cũng chỉ góp gạo thổi cơm chung chứ không phải sống như gia đình bình thường. Sau đó, không hiểu vì lý do gì, bà Q bỏ đi. Bà Q không coi trọng tình cảm của ông. Ông đã định bỏ qua tất cả để vợ chồng về với nhau, nhưng bà Q nói giờ không còn tình cảm gì cả. Thời gian sau, do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông quyết định ly hôn, ông có nói với bà Q thì bà Q bảo ông cứ làm đơn ly hôn đơn phương, bà Q không đến Tòa. Sau khi bỏ nhà ông đi, bà Q về ở nhà mẹ đẻ ở xã X, có thời gian ra Quảng Ninh thăm con rồi lại về nhà mẹ đẻ. Hiện nay, bà Q vẫn ở nhà mẹ đẻ nhưng cố tình lẩn trốn không đến Tòa để gây khó khăn cho ông giải quyết ly hôn. Có lần ông gọi điện hỏi thì bà Q nói là đi làm xa, không cho ông biết địa chỉ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã giao, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho bà Q để bà Q đến tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q đều không đến, không đưa ra ý kiến về giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên bà Q bỏ đi, không chung sống với ông Đ nữa. Cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không biết.

Cụ Nguyễn Thị H là mẹ đẻ bà Q cung cấp: Do vợ chồng ông Đ, bà Q mâu thuẫn về kinh tế nên bà Q đã bỏ về nhà cụ từ trước Tết năm 2017 đến nay. Trong thời gian này, bà Q có đi Quảng Ninh thăm con. Bà Q vẫn về thăm cụ, nói là đi làm nhưng không cho cụ biết địa chỉ. Ông Đ gọi điện cho bà Q giải quyết ly hôn, bà Q đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Ông Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn bà Q, không yêu cầu giải

quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Q. Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Q được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vẫn vắng mặt, người làm chứng là cụ H vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Q, cụ H.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Q kết hôn năm 2013 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông Đ, bà Q đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung. Từ cuối năm 2016, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Ông Đ kiên quyết ly hôn, bà Q bỏ mặc để ông Đ tự giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho ông Đ ly hôn bà Q.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà Q không có con chung nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Q không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Minh Đ và bà Nguyễn Thị Q.

2. Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000841 ngày 03-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh